



Mục tiêu đầu tư

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phần đầu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Thông tin Quỹ

| | |
|-------------------------|--------------------------|
| Ngày thành lập | : 03/01/2019 |
| Tổng tài sản (NAV) | : 144,49 tỷ đồng |
| Đơn vị tiền tệ | : VND |
| Loại quỹ | : Quỹ mở cổ phiếu |
| Ngân hàng Giám sát | : HSBC Việt Nam |
| Phí quản lý (% NAV/năm) | : 1,5% |
| Phí phát hành * | : 0 – 2% |
| Phí yêu cầu mua lại * | : 0 – 2% |
| Ngày giao dịch | : Thứ Ba hằng tuần (T) |
| Hạn cuối nhận lệnh | : 11:30 AM Thứ Hai (T-1) |
| NAV/CCQ | : 12.710,10 VND |

(* Xem chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ.

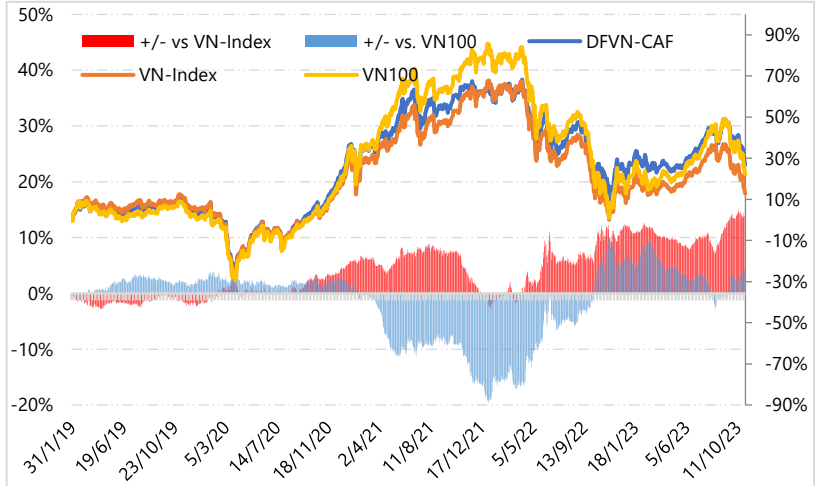
Phân bố/ Thống kê của Danh mục đầu tư

| | |
|--------------------------|----------|
| Cổ phiếu | : 80,96% |
| Tiền và tương đương tiền | : 19,04% |
| Số lượng cổ phiếu | : 32 |
| Độ biến động | : 1.28% |

10 cổ phiếu tiêu biểu

| Mã cổ phiếu | Ngành | (% NAV) | (% so với VN-Index) |
|-------------|---------------------|---------|---------------------|
| VCB | Tài chính | 11,7% | -0,3% |
| FPT | Công nghệ thông tin | 8,9% | 6,3% |
| ACB | Tài chính | 6,6% | 4,6% |
| HPG | Nguyên vật liệu | 6,3% | 3,1% |
| VPB | Tài chính | 3,8% | 0,5% |
| GAS | Tiện ích | 3,5% | -0,1% |
| VNM | Hàng tiêu dùng | 3,5% | 0,0% |
| BID | Tài chính | 3,3% | -1,7% |
| CTG | Tài chính | 3,2% | -0,1% |
| GVR | Nguyên vật liệu | 3,1% | 1,5% |

Kết quả hoạt động của Quỹ

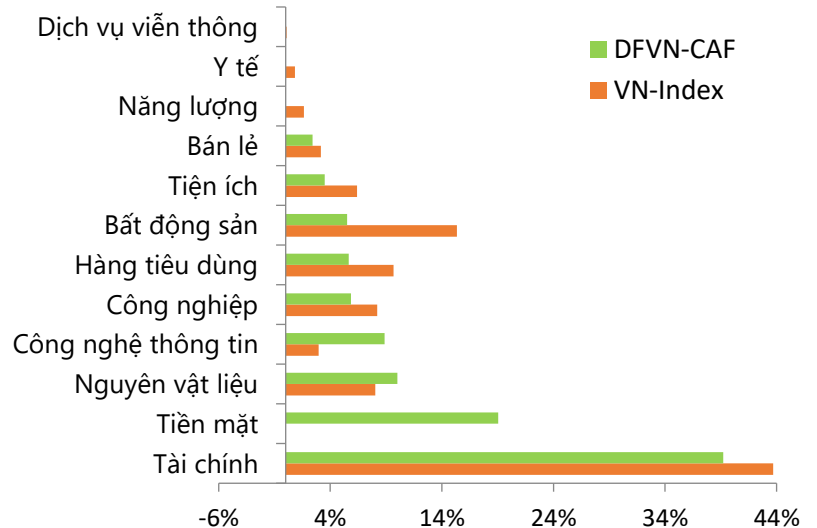


(Ghi chú: Quỹ hoàn tất giải ngân từ ngày 28/02/2019)

| | 31/10/2023 | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng | YTD 2023 | 2022 | 2021 | 2020 | Từ lúc giải ngân |
|------------------------|------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|----------------|---------------|------------------|
| DFVN-CAF | | -9.58% | -12.40% | 1.56% | -4.89% | 3.33% | -25.10% | 30.05% | 20.98% | 27.10% |
| VN-Index | | -10.91% | -15.92% | -2.00% | -7.47% | 2.10% | -32.78% | 35.73% | 14.87% | 14.46% |
| VN100 | | -11.25% | -14.64% | 1.55% | -4.73% | 5.50% | -36.62% | 47.94% | 21.56% | 23.87% |
| So với VN-Index | | 1.33% | 3.52% | 3.56% | 2.58% | 1.24% | 7.68% | -5.68% | 6.11% | 12.64% |
| So với VN100 | | 1.67% | 2.24% | 0.01% | -0.16% | -2.16% | 11.51% | -17.89% | -0.58% | 3.23% |

(Nguồn: DFVN, HoSE. Số liệu ngày 31/10/2023)

Phân bố tài sản theo ngành



Khuyến cáo

Tài liệu này được soạn thảo và phát hành bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN") và có thể thay đổi tùy thuộc thị trường và các điều kiện khác. DFVN không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ thông tin, dữ liệu của các Quỹ do DFVN quản lý và được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này phản ánh quan điểm và đánh giá của tác giả tại thời điểm phát hành, mục đích để tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch cũng không phải là lời đề nghị hay bất kỳ cam kết nào của DFVN hoặc Quỹ do DFVN quản lý. DFVN không có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức trong trường hợp có ý kiến, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.